

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ÁNH BÌNH MINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ÁNH BÌNH MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ANH BINH MINH CONSTRUCTION AND INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ANH BINH MINH CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0107576974

3. Ngày thành lập: 27/09/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Ngõ 81, ngách 81/4, số nhà 10 tổ dân phố Đông Ngạc 3, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
2.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
3.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
4.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
5.	Đúc sắt, thép	2431
6.	Đúc kim loại màu	2432
7.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
8.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
9.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
10.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
11.	Trồng lúa	0111
12.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác Các hoạt động gieo trồng ngô và các loại cây lương thực có hạt khác như: lúa mỳ, lúa mạch, cao lương, kê.	0112
13.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
14.	Trồng cây mía	0114
15.	Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào	0115
16.	Trồng cây lấy sợi	0116
17.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
18.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118

19.	Trồng cây hàng năm khác Các hoạt động trồng cây nông nghiệp hàng năm như: Các hoạt động trồng cây thức ăn gia súc như: trồng ngô cây, trồng cỏ và quy hoạch, chăm sóc đồng cỏ tự nhiên; thả bèo nuôi lợn; trồng cây làm phân xanh (muồng muồng); v,v..	0119
20.	Trồng cây ăn quả	0121
21.	Trồng cây điều	0123
22.	Trồng cây hồ tiêu	0124
23.	Trồng cây cà phê	0126
24.	Trồng cây chè	0127
25.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
26.	Trồng cây lâu năm khác	0129
27.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
28.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
29.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
30.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
31.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
32.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
33.	Khai thác gỗ	0221
34.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ Khai thác củi, luồng, vầu, tre, nứa, cây đặc sản, song, mây,...	0222
35.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
36.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
37.	Khai thác quặng sắt	0710
38.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
39.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
40.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
41.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
43.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Khách sạn Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
44.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
45.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
46.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
47.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
48.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621

49.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
50.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
51.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
52.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
53.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
54.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
55.	Xây dựng nhà các loại	4100
56.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
57.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - Xây dựng công trình công nghiệp - Xây dựng công trình cửa - Xây dựng đường hầm; - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.	4290
58.	Phá dỡ	4311
59.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
60.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
61.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
62.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
63.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
64.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác - Hoạt động xây dựng chuyên dụng - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà;	4390
65.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Bán buôn xe có động cơ khác	4511
66.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
67.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
68.	Bán mô tô, xe máy	4541
69.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

70.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
71.	Đại lý, môi giới, đấu giá - Đại lý, - Môi giới	4610
72.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Bán buôn hoa và cây Bán buôn động vật sống Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	4620
73.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
74.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
75.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
76.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
77.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
78.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;	4659
79.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tính ngưỡng khác; - Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại;	4773
80.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
81.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
82.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Dịch vụ nhận ủy thác mua bán hàng hóa Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

83.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
84.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
85.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
86.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Khảo sát xây dựng - Hành nghề thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng - Giám sát thi công xây dựng - Kiểm định xây dựng - Tư vấn Quản lý dự án	7110
87.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
88.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn	7220
89.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
90.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Hoạt động môi giới thương mại	7490
91.	Cho thuê xe có động cơ Cho thuê ô tô	7710
92.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng	7730
93.	Đại lý du lịch	7911
94.	Điều hành tua du lịch	7912
95.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
96.	Đối với những ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được hoạt động sản xuất, kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN MẠNH LINH	số 4A, tổ dân phố Đông Ngạc 3, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	12.000.000.000	60,000	012966118	
2	NGUYỄN MẠNH KIÊN	Số nhà 19, phố Hàng Cá, Phường Hàng Đào, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	8.000.000.000	40,000	001083004716	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN MẠNH LINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/07/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012966118

Ngày cấp: 19/04/2007

Nơi cấp: Công an tp Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 4A, tổ dân phố Đông Ngạc 3, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: số 4A, tổ dân phố Đông Ngạc 3, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội